

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Tường Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 26/7/2021, Thông báo dời ngày xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 702A/2021/DSST-TB ngày 23/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-DS ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà **Ngô Thị H** – Sinh năm 1970

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

Bà **Phạm Thị Như A** – Sinh năm 1980

Ông **Nguyễn Tiến S** – Sinh năm 1980

Cùng nơi cư trú: Thôn Tam Ích, xã L, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Vào ngày 12/01/2018 (ngày 26/11 âm lịch) bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A mượn số tiền 60.000.000đ có viết và ký giấy vay tiền. Năm 2020 bà có nộp đơn khởi kiện ra Tòa để yêu cầu ông S, bà A trả nợ và vợ chồng hứa hẹn thời gian trả nên bà đã rút đơn khởi kiện. Nhưng từ đó đến nay ông, bà vẫn không thanh toán mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A trả số tiền 63.984.000đ vào một lần bao gồm số tiền gốc là 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá

hạn là 3.984.000 đồng từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2021 tương ứng 8 tháng với lãi suất 0.83%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt dù được triệu tập họp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 63.984.000 đồng vào một lần bao gồm số tiền gốc là 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.984.000 đồng từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2021 tương ứng 8 tháng với lãi suất 0.83%/tháng. Do các đương sự không quy định thời gian hợp lý trả nợ nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì thời gian chậm trả nợ gốc tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý yêu cầu trả nợ (không quá 03 tháng) được xác lập từ ngày Tòa án ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 51/2020/QĐST-DS ngày 22/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2021 không vượt quá yêu cầu giải quyết nên chấp nhận. Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần và việc vay mượn đã lâu làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo dời ngày xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A đều vắng mặt. Vì vậy áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A có hộ khẩu thường trú tại thôn Tam Ích, xã L, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Ngô Thị H yêu cầu ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A thanh toán số tiền đã vay theo giấy vay tiền. Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 12/01/2018 (nhằm ngày 26/11 âm lịch) giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy vay tiền với nội dung “*tên Phạm Thị Như A sinh 1980 số chứng minh 225134017 ngày 12/01/2018 hôm nay ngày 26/11 âm lịch tôi có vay số tiền của chị H 60.000.000 đồng*”. Tại giấy vay tiền về nội dung không có ghi tên ông Phạm Tiến S nhưng ông S và bà A có ký xác nhận vào giấy vay tiền. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày việc vay mượn có mặt của vợ chồng ông S, bà A. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, về nội dung và hình thức của giấy vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A trả số tiền gốc 60.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 12/01/2018. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà A thanh toán khoản vay nhưng bị đơn vẫn lẩn tránh, chây ỳ cố tình không chịu trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung của giấy vay tiền đề ngày 12/01/2018 (nhằm ngày 26/11 âm lịch) thể hiện số tiền vay 60.000.000đ không thỏa thuận thời gian trả nợ và mức lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì các bên có quyền đòi lại tài sản và quyền trả nợ nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý đồng thời giữa các bên không có thỏa thuận nào khác. Do các đương sự không quy định thời gian hợp lý trả nợ nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì thời gian chậm trả nợ gốc tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Theo hồ sơ vụ án thì vào ngày 14/8/2020, nguyên đơn đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn về yêu cầu thanh toán khoản tiền vay theo giấy mượn tiền nêu trên đã được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Sau khi vụ án bị đình chỉ giải quyết ngày 22/9/2020 đến ngày 30/3/2021 nguyên đơn có đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết thì việc thông báo trả nợ của nguyên đơn cho bị đơn đã được xác lập từ ngày 23/12/2020. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn những vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc vay mượn khoản tiền đã lâu xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A trả số tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) vào một lần cho bà Ngô Thị H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn 60.000.000 đồng là 3.984.000 đồng (từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2021) tương ứng thời gian 8 tháng với lãi suất 0.83%/tháng.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 18.924.000 đồng tạm tính từ tháng 1/2018 đến tháng 3/2021 tương ứng 38 tháng với lãi suất 0.83%/tháng. Nhưng tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.984.000 đồng từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2021 tương ứng thời gian 8 tháng với lãi suất 0.83%/tháng là không vượt quá yêu cầu ban đầu.

Theo hợp đồng vay không có lãi suất nhưng nếu đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định. Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất chậm trả 0.83%/tháng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu về lãi suất chậm trả của nguyên đơn.

Từ những nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A phải trả số tiền 63.984.000 đồng bao gồm số tiền gốc là 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.984.000 đồng từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2021 tương ứng thời gian 8 tháng với lãi suất chậm trả 0.83%/tháng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền gốc và lãi đã vay. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 63.984.000đ x 5% = 3.199.000đ.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A phải trả cho bà Ngô Thị H số tiền 63.984.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) vào một lần

bao gồm số tiền gốc là 60.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.984.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Tiến S, bà Phạm Thị Như A phải nộp 3.199.000đ (*Ba triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.073.000đ (Hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0004971 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã H;
- THADS thị xã H
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên